

QUYỀN LỰC THÔNG MINH TRONG LÃNH ĐẠO, CẨM QUYỀN Ở VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ TINH THẦN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

TS. NGUYỄN THANH GIANG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày tiếp nhận: 02/01/2026 Ngày bình duyệt: 05/02/2026 Ngày duyệt đăng: 15/3/2026

● **Tóm tắt:** Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình phát triển, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo tinh thần Đại hội lần thứ XIV, vấn đề sử dụng quyền lực một cách hiệu quả và bền vững trở thành yêu cầu ngày càng cấp thiết. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực thuộc về Nhân dân, bài viết phân tích một số biểu hiện của quyền lực thông minh trong hệ thống chính trị Việt Nam và gợi mở những hàm ý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo và cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

● **Từ khóa:** Quyền lực thông minh, lãnh đạo, cầm quyền, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội lần thứ XIV

1. Đặt vấn đề

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen; đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và hiệu quả quản trị quốc gia. Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh Đại hội diễn ra trong thời điểm có ý nghĩa lịch sử, khi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quyết tâm bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước với khát vọng xây dựng một nước Việt Nam “hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”¹. Trong bối cảnh đó, vấn đề không chỉ nằm ở việc hoạch định đúng đường lối và chủ trương phát triển, mà còn ở cách thức sử dụng quyền lực để tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã được xác định.

Thực tiễn quản trị quốc gia trong những năm gần đây cho thấy nhiều vấn đề phức tạp của quá trình phát triển - từ cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số quốc gia cho đến quản lý xã hội trong bối cảnh không gian số mở rộng - không thể được

giải quyết hiệu quả chỉ bằng các biện pháp mệnh lệnh - hành chính thuần túy. Sự nâng cao trình độ dân trí, tính đa dạng của lợi ích xã hội cũng như sự phát triển của các kênh biểu đạt ý kiến công dân khiến việc thực thi quyền lực theo lối áp đặt dễ dẫn đến tâm lý đối phó hoặc phản ứng ngầm trong xã hội, qua đó làm giảm hiệu lực thực thi chính sách².

Trong điều kiện đó, quyền lực không thể chỉ được hiểu như khả năng cưỡng chế hoặc áp đặt bằng thẩm quyền chính thức, mà cần được tiếp cận như một *năng lực tổng hợp*, bao gồm khả năng thuyết phục, tạo ảnh hưởng, dẫn dắt và xây dựng sự đồng thuận xã hội³. Cách tiếp cận này không làm suy giảm vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, mà trái lại, góp phần củng cố tính chính danh và hiệu quả của quyền lực trong điều kiện xã hội ngày càng phát triển và phức tạp.

Trong khoa học chính trị và khoa học lãnh đạo, khái niệm quyền lực thông minh được hiểu là năng lực kết hợp linh hoạt và có chủ đích giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm

trong quá trình thực thi quyền lực⁴. Cách tiếp cận này cung cấp một khung phân tích hữu ích để xem xét phương thức lãnh đạo, cầm quyền trong bối cảnh mới.

Xuất phát từ những vấn đề đó, việc nghiên cứu quyền lực thông minh trong lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam - tiếp cận từ tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng - có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu này góp phần làm rõ một cách tiếp cận quyền lực phù hợp với yêu cầu của quản trị quốc gia hiện đại, đồng thời gợi mở một số phương diện nhằm tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

2. Cơ sở lý luận về quyền lực thông minh trong lãnh đạo, cầm quyền

2.1. Quyền lực trong lãnh đạo, cầm quyền: từ tiếp cận truyền thống đến yêu cầu đổi mới

Trong khoa học chính trị, quyền lực là một phạm trù trung tâm, phản ánh khả năng của chủ thể lãnh đạo trong việc chi phối, định hướng và điều chỉnh hành vi của các cá nhân hoặc tổ chức nhằm đạt tới những mục tiêu chính trị - xã hội nhất định. Max Weber cho rằng quyền lực là khả năng buộc người khác tuân theo ý chí của mình, ngay cả khi gặp phải sự phản kháng⁵. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của thẩm quyền chính thức, của pháp luật và các công cụ cưỡng chế trong việc duy trì trật tự và bảo đảm tính ổn định của hệ thống chính trị.

Trong thực tiễn quản trị nhà nước, quyền lực dựa trên cưỡng chế có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm kỷ cương, kỷ luật và khả năng hành động thống nhất của bộ máy công quyền. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu trong khoa học chính trị và khoa học lãnh đạo cho thấy việc thực thi quyền lực chủ yếu dựa trên cưỡng chế thường chỉ tạo ra sự tuân thủ mang tính hình thức, khó hình thành sự cam kết nội tại và sự ủng hộ lâu dài từ phía xã hội⁶. Khi thiếu sự đồng thuận xã hội, chi phí thực thi chính sách có xu hướng gia tăng, trong khi hiệu quả và tính bền vững của chính sách lại bị hạn chế.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi trình độ dân trí ngày càng cao, thông tin được lan

truyền nhanh chóng và các chủ thể xã hội có nhiều kênh tham gia vào đời sống chính trị, việc thực thi quyền lực theo lối “ra lệnh - kiểm soát” dễ dẫn đến sự xa cách giữa chủ thể cầm quyền và các nhóm xã hội chịu tác động của chính sách. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới cách tiếp cận quyền lực theo hướng kết hợp giữa kiểm soát và dẫn dắt, giữa cưỡng chế và thuyết phục, giữa việc bảo đảm kỷ cương pháp luật với việc xây dựng sự đồng thuận xã hội.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới⁷. Yêu cầu này hàm ý rằng quyền lực không chỉ cần được sử dụng đúng thẩm quyền mà còn phải được vận dụng một cách khoa học, linh hoạt và có khả năng tạo dựng sự đồng thuận xã hội rộng rãi.

2.2. Quyền lực cứng, quyền lực mềm và cơ sở hình thành quyền lực thông minh

Trên cơ sở phê phán những hạn chế của cách tiếp cận quyền lực thuần túy dựa trên cưỡng chế, nhiều nghiên cứu trong khoa học lãnh đạo hiện đại cho rằng quyền lực của chủ thể lãnh đạo được cấu thành từ nhiều nguồn lực khác nhau. French và Raven đã phân loại các cơ sở của quyền lực xã hội, bao gồm quyền lực chính danh, quyền lực cưỡng chế, quyền lực khen thưởng, quyền lực chuyên môn và quyền lực uy tín⁸. Cách phân loại này cho thấy quyền lực gắn với vị trí và thẩm quyền chỉ là một trong nhiều nguồn lực mà chủ thể lãnh đạo có thể sử dụng trong quá trình tạo ảnh hưởng và dẫn dắt tổ chức.

Phát triển nghiên cứu này, Joseph S. Nye đưa ra hai khái niệm có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và khoa học lãnh đạo là *quyền lực cứng* và *quyền lực mềm*. Theo Nye, quyền lực cứng dựa trên khả năng áp đặt thông qua các công cụ hữu hình như sức mạnh vật chất, nguồn lực kinh tế, pháp luật, tổ chức và các biện pháp cưỡng chế; trong khi quyền lực mềm dựa trên khả năng tạo ảnh hưởng thông qua sức hấp dẫn, uy tín, giá trị, văn hóa và tính chính danh của chủ thể quyền lực⁹. Mặc dù ban đầu được sử dụng trong phân tích

quan hệ quốc tế, cách tiếp cận này ngày càng được vận dụng rộng rãi trong nghiên cứu lãnh đạo và quản trị công.

Trong quản trị quốc gia, quyền lực cứng giữ vai trò quan trọng trong việc thiết lập khuôn khổ pháp lý, bảo đảm trật tự xã hội và khả năng hành động thống nhất của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, nếu thiếu nền tảng của quyền lực mềm, quyền lực cứng dễ trở nên cứng nhắc, làm gia tăng chi phí cưỡng chế và giảm mức độ chấp nhận của xã hội đối với các quyết định chính sách. Ngược lại, quyền lực mềm góp phần tạo dựng niềm tin, hình thành động lực nội sinh và thúc đẩy sự đồng thuận xã hội; song nếu không được gắn với các thiết chế pháp lý và kỷ cương tổ chức, quyền lực mềm có thể trở nên hình thức và thiếu hiệu lực thực tế.

Từ nhận thức đó, Joseph S. Nye đề xuất khái niệm *quyền lực thông minh*, được hiểu là năng lực kết hợp linh hoạt và có chủ đích giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm nhằm đạt được các mục tiêu chính trị một cách hiệu quả và bền vững¹⁰. Quyền lực thông minh không phải là phép cộng cơ học giữa các công cụ quyền lực khác nhau, mà là nghệ thuật lựa chọn, phối hợp và vận dụng các nguồn lực phù hợp với bối cảnh, mục tiêu và đối tượng tác động cụ thể.

Đối với Việt Nam, tiếp cận quyền lực thông minh có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Cách tiếp cận này cho phép nhìn nhận quyền lực không chỉ như một công cụ quản lý hành chính mà còn như một năng lực tổng hợp gắn với uy tín chính trị, đạo đức công vụ, năng lực thuyết phục và khả năng tạo dựng sự đồng thuận xã hội. Những yếu tố này ngày càng trở thành điều kiện quan trọng để bảo đảm hiệu lực và tính bền vững của quyền lực cầm quyền trong bối cảnh xã hội phát triển nhanh và ngày càng phức tạp.

3. Quyền lực thông minh trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay

3.1. Quyền lực thông minh ở cấp độ cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, quyền lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý trước hết được xác lập thông qua vị trí, chức trách và thẩm

quyền do Đảng và Nhà nước giao phó. Quyền lực này mang tính chính danh thể chế, tạo cơ sở để chủ thể lãnh đạo ra quyết định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý trong phạm vi chức trách được giao. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hiệu quả thực thi quyền lực không chỉ phụ thuộc vào thẩm quyền chính thức mà còn gắn chặt với năng lực, uy tín và phẩm chất đạo đức của người cán bộ.

Các nghiên cứu về lãnh đạo cho thấy quyền lực thường tạo ra sự tuân thủ mang tính bắt buộc, trong khi quyền lực cá nhân - được hình thành từ tri thức chuyên môn, uy tín đạo đức và khả năng thuyết phục - có khả năng tạo ra sự cam kết tự nguyện và bền vững của các chủ thể trong tổ chức. Atwater và Yammarino cho rằng những nhà lãnh đạo biết kết hợp quyền lực chính danh với quyền lực chuyên môn và quyền lực uy tín thường đạt hiệu quả lãnh đạo cao hơn, đồng thời gia tăng mức độ tin cậy và gắn kết trong tổ chức¹¹.

Trong điều kiện phát triển hiện nay, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ngày càng được đặt ra ở mức cao hơn. Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng khẳng định cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng và công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị¹². Văn kiện cũng nhấn mạnh nhiệm vụ tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Những định hướng này cho thấy năng lực sử dụng quyền lực hiệu quả, linh hoạt và có khả năng tạo ảnh hưởng tích cực đối với tổ chức và xã hội đang trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ hiện nay.

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội lần thứ XIV nhấn mạnh yêu cầu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị. Niềm tin và sự ủng hộ của Nhân dân vì vậy trở thành yếu tố quan trọng bảo đảm tính chính danh của quyền lực, đồng thời góp phần duy trì sự ổn định và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cùng với đó, Văn kiện cũng

đặt ra yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực, gắn quyền hạn với trách nhiệm và đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong toàn bộ hệ thống chính trị. Việc kiểm soát quyền lực không chỉ nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạm quyền mà còn góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, cầm quyền và củng cố niềm tin xã hội đối với hệ thống chính trị.

Trong cách tiếp cận quyền lực thông minh, năng lực lãnh đạo của cán bộ không chỉ thể hiện ở khả năng thực thi thẩm quyền hành chính mà còn ở khả năng kết hợp linh hoạt giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Khi cần bảo đảm kỷ cương và xử lý vi phạm, quyền lực cứng thông qua pháp luật và các quy chế tổ chức đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, để tạo dựng sự đồng thuận và huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển, người lãnh đạo đồng thời cần phát huy quyền lực mềm thông qua uy tín cá nhân, năng lực thuyết phục và khả năng tạo dựng niềm tin trong tổ chức cũng như trong xã hội.

3.2. Quyền lực thông minh ở cấp độ thể chế và hệ thống chính trị

Bên cạnh cấp độ cá nhân của cán bộ lãnh đạo, quyền lực thông minh còn thể hiện ở cách thức tổ chức và vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị. Trong điều kiện quản trị quốc gia ngày càng phức tạp, hiệu quả lãnh đạo và cầm quyền không chỉ phụ thuộc vào thẩm quyền pháp lý của các cơ quan nhà nước mà còn gắn với khả năng thiết kế và vận hành các cơ chế phối hợp, giám sát và điều chỉnh quyền lực trong hệ thống.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực nhà nước được thực hiện thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp¹³. Yêu cầu này phản ánh nhận thức ngày càng rõ ràng về vai trò của thiết chế và cơ chế kiểm soát quyền lực trong việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản trị quốc gia.

Trong thực tiễn, quyền lực thông minh ở cấp độ thể chế được thể hiện trước hết ở việc

kết hợp giữa các công cụ quản lý mang tính cưỡng chế của nhà nước với các phương thức quản trị dựa trên sự tham gia và đồng thuận xã hội. Hệ thống pháp luật, kỷ cương hành chính và các thiết chế giám sát giữ vai trò bảo đảm tính nghiêm minh của quyền lực nhà nước. Đồng thời, các cơ chế đối thoại, tham vấn chính sách và mở rộng sự tham gia của xã hội vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách góp phần nâng cao tính minh bạch và mức độ chấp nhận của xã hội đối với các quyết định quản lý.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của không gian truyền thông, việc thực thi quyền lực nhà nước ngày càng gắn với yêu cầu tăng cường năng lực truyền thông chính sách, giải trình trước xã hội và xây dựng niềm tin của công chúng. Điều này cho thấy hiệu quả của quyền lực không chỉ được đo bằng khả năng ban hành và thực thi các quyết định quản lý mà còn bằng khả năng tạo dựng sự đồng thuận và huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển.

3.3. Quyền lực thông minh và kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị

Kiểm soát quyền lực là một nội dung quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đồng thời là yêu cầu xuyên suốt trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Thực tiễn cho thấy khi quyền lực không được kiểm soát hiệu quả, nguy cơ lạm quyền, tha hóa quyền lực và tham nhũng sẽ gia tăng, qua đó làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị.

Trong cách tiếp cận quyền lực thông minh, kiểm soát quyền lực không chỉ dừng lại ở việc tăng cường kỷ luật hoặc áp dụng các chế tài xử phạt mà còn bao gồm việc thiết kế và vận hành các cơ chế bảo đảm quyền lực được sử dụng đúng mục đích, đúng giới hạn và vì lợi ích chung của xã hội. Kiểm soát hiệu quả đòi hỏi sự kết hợp giữa các cơ chế mang tính thể chế như pháp luật, quy định tổ chức, hoạt động kiểm tra và giám sát với những yếu tố mang tính mềm như văn hóa liêm chính, đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và sự giám sát của xã hội.

Các nghiên cứu về lãnh đạo bằng đạo đức cho thấy khi người lãnh đạo được nhìn nhận là liêm chính, công bằng và nhất quán giữa lời nói với hành động, khả năng phòng ngừa sai phạm trong tổ chức sẽ cao hơn so với việc chỉ dựa vào các biện pháp cưỡng chế thuần túy¹⁴. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các nguồn lực quyền lực mềm trong việc hạn chế nguy cơ tha hóa quyền lực và xây dựng môi trường quản trị minh bạch.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực, gắn quyền hạn với trách nhiệm và đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong toàn bộ hệ thống chính trị¹⁵. Yêu cầu này phản ánh nhận thức ngày càng rõ ràng về việc bảo đảm quyền lực được thực thi đúng mục đích và trong khuôn khổ pháp luật. Khi được đặt trong cách tiếp cận quyền lực thông minh, kiểm soát quyền lực không chỉ là cơ chế phòng ngừa rủi ro mà còn là một phương thức nâng cao chất lượng lãnh đạo, cầm quyền và củng cố niềm tin của xã hội đối với hệ thống chính trị.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực và giá trị soi sáng đối với việc vận dụng quyền lực thông minh hiện nay

Một nội dung xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và lãnh đạo là nguyên lý “tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân”. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân”¹⁶. Theo Hồ Chí Minh, quyền lực của Đảng và Nhà nước không phải là đặc quyền của bộ máy cầm quyền mà là quyền lực do Nhân dân ủy thác và được kiểm nghiệm thông qua hiệu quả phục vụ Nhân dân trong thực tiễn. Quan điểm này cho thấy sự ủng hộ và niềm tin của Nhân dân chính là nền tảng quan trọng bảo đảm tính chính danh và sự bền vững của quyền lực cầm quyền.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác dân vận và xem đây là một phương thức cơ bản để thực thi quyền lực một cách hiệu quả. Người nhấn mạnh: “Dân vận kém thì việc gì cũng kém; dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”¹⁷. Dân vận không chỉ là hoạt động vận động quần chúng đơn thuần mà còn là quá

trình xây dựng sự đồng thuận xã hội thông qua đối thoại, thuyết phục và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách. Điều này cho thấy quyền lực không chỉ được thực thi thông qua các mệnh lệnh hành chính mà còn thông qua sự tham gia và ủng hộ của xã hội.

Bên cạnh đó, Người luôn nhấn mạnh vai trò của đạo đức cách mạng và sự nêu gương của cán bộ, đảng viên trong việc bảo đảm hiệu lực của quyền lực lãnh đạo. Người cho rằng nếu cán bộ, đảng viên sa vào chủ nghĩa cá nhân, tham ô và quan liêu thì dù nắm quyền lực trong tay cũng không thể lãnh đạo được Nhân dân. Quan điểm này cho thấy quyền lực chỉ có khả năng thuyết phục và dẫn dắt khi được nâng đỡ bởi uy tín đạo đức và sự nhất quán giữa lời nói với hành động của người lãnh đạo.

Đáng chú ý, trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa giữa *pháp trị* và *đức trị* trong quản lý xã hội. Người cho rằng pháp luật phải nghiêm minh để giữ kỷ cương, đồng thời cần gắn với giáo dục đạo đức và sự nêu gương của cán bộ để hình thành ý thức tự giác trong xã hội. Cách tiếp cận này có nhiều điểm tương đồng với nội hàm của *quyền lực thông minh* trong lý luận lãnh đạo hiện đại, vốn nhấn mạnh sự kết hợp linh hoạt giữa các công cụ quyền lực mang tính cưỡng chế với những yếu tố tạo ảnh hưởng dựa trên niềm tin, uy tín và giá trị.

Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu nâng cao chất lượng lãnh đạo và quản trị quốc gia ngày càng được đặt ra ở mức cao hơn, việc vận dụng những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực - đặc biệt là quan điểm lấy *Nhân dân làm gốc, đề cao dân vận, đạo đức công vụ và sự nêu gương của cán bộ* - có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành và phát huy quyền lực thông minh trong lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam.

5. Một số hàm ý phát huy quyền lực thông minh trong giai đoạn hiện nay

Từ cách tiếp cận quyền lực thông minh và những giá trị soi sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số hàm ý nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Trước hết, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và quản trị theo hướng khoa học, linh hoạt và thuyết phục hơn. Trong điều kiện xã hội ngày càng đa dạng lợi ích và thông tin lan truyền nhanh chóng, việc quản lý xã hội chỉ dựa vào mệnh lệnh hành chính thuần túy sẽ khó tạo ra sự đồng thuận rộng rãi. Vì vậy, cần kết hợp giữa việc bảo đảm kỷ cương pháp luật với các phương thức quản trị hiện đại như đối thoại chính sách, minh bạch thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình.

Thứ hai, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực sử dụng quyền lực một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Bên cạnh năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý, cán bộ lãnh đạo cần có khả năng thuyết phục và tạo ảnh hưởng tích cực trong tổ chức cũng như trong xã hội. Đây là yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả thực thi quyền lực trong hệ thống chính trị.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn với việc tăng cường kiểm soát quyền lực. Việc kết hợp giữa các cơ chế kiểm soát mang tính thể chế như pháp luật, kiểm tra và giám sát với các yếu tố văn hóa - đạo đức như xây dựng văn hóa liêm chính, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và sự giám sát của xã hội sẽ góp phần hạn chế nguy cơ lạm quyền và bảo đảm quyền lực được sử dụng đúng mục đích.

Cuối cùng, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác dân vận và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Khi Nhân dân được tham gia và được lắng nghe, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để được thực thi hiệu quả, đồng thời góp phần củng cố niềm tin xã hội đối với hệ thống chính trị.

6. Kết luận

Trong bối cảnh quá trình phát triển đất nước đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực lãnh đạo và quản trị quốc gia, cách tiếp cận quyền lực thông minh cung cấp một khung phân tích hữu ích cho việc nghiên cứu và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền. Quyền lực thông minh nhấn mạnh sự kết hợp linh hoạt giữa các công cụ quyền lực mang tính cưỡng chế với những yếu tố tạo ảnh

hưởng dựa trên uy tín, niềm tin và khả năng thuyết phục, đồng thời đề cao vai trò của sự đồng thuận xã hội và khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển.

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, hiệu quả của quyền lực lãnh đạo không chỉ phụ thuộc vào thẩm quyền thể chế mà còn gắn với năng lực của đội ngũ cán bộ, với các cơ chế kiểm soát quyền lực và với mức độ tin cậy của Nhân dân đối với hệ thống chính trị. Những yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ và cùng quyết định tính chính danh cũng như hiệu quả thực thi quyền lực trong thực tiễn.

Những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực - đặc biệt là quan điểm lấy Nhân dân làm gốc, đề cao dân vận, đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương của cán bộ - tiếp tục có ý nghĩa định hướng quan trọng đối với việc vận dụng quyền lực thông minh trong lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam hiện nay. Việc vận dụng cách tiếp cận này góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân và cụ thể hóa yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIV. ■

^{1,7} Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I, tr.9-12, 13-14.

² Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.32-35.

^{3,9} Joseph S.Nye Jr. (2004): *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, PublicAffairs.

^{4, 10} Joseph S.Nye Jr. (2011): *The Future of Power*, PublicAffairs, New York.

⁵ Max Weber (1978): *Economy and Society*, University of California Press.

⁶ Steven Lukes (2005): *Power: A Radical View*, Palgrave Macmillan.

⁸ French, J.R.P. & Raven, B. (1959): "The Bases of Social Power", *Studies in Social Power*, University of Michigan.

¹¹ Atwater, L.E. & Yammarino, F.J. (1996): "Bases of Power in Relation to Leader Behavior", *Journal of Business and Psychology*, Vol.10.

^{12, 13, 15} Đảng Cộng sản Việt Nam (2026): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.II, tr.95, 384, 384.

¹⁴ Brown, M.E. & Treviño, L.K. (2006): "Ethical Leadership: A Review and Future Directions", *The Leadership Quarterly*, Vol.17.

^{16, 17} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5, tr.298, 299.